

VỀ MỘT HÌNH THỨC

sinh hoạt văn hoá ngày Xuân

VÕ HOÀNG

Lên đồng - hay còn gọi là "hầu đồng", "hầu bóng", hoặc "múa thiêng" (như chữ dùng của J.Cuisinier)... là một hình thức hành lễ ở đỉnh cao của tín ngưỡng thờ Mẫu, một tín ngưỡng dân gian mang đậm bản sắc văn hoá của người Việt. Lễ thức này, với sự tích hợp nhiều thể loại nghệ thuật vào nó, đã trở thành một hình thức diễn xướng tâm linh độc đáo, đồng thời, sự dung hội ngày càng nhiều giá trị nghệ thuật khiến cho hầu đồng không chỉ đơn thuần là một hiện tượng thực hành tín ngưỡng. Bởi vậy, ngoài khía cạnh tâm linh, dân tộc học, sử học, văn hoá học..., hầu đồng còn được nghiên cứu dưới góc độ nghệ thuật học.

Cho đến nay người ta đã nhận thấy rằng có nhiều điểm tương đồng giữa hầu đồng và sinh hoạt văn hoá dân gian khác, có người còn nghĩ rằng có thể tìm được ở hầu đồng những thủ pháp nghệ thuật có ích cho sân khấu đương đại Việt Nam. Vấn đề này rất đáng để các nhà nghiên cứu lưu ý, vì đó cũng là một trong nhiều

cách tìm về truyền thống dân tộc của văn hoá, để có thể góp phần vào việc xây dựng nền văn hoá Việt Nam vừa hiện đại lại vừa đậm đà bản sắc dân tộc. Nhưng muốn thực hiện được những ý tưởng này, trước hết chúng ta cần tìm hiểu một cách sâu sắc hơn về sinh hoạt hầu đồng của người Việt.

Hầu đồng là một sinh hoạt tâm linh không phải chỉ của riêng dân tộc Việt, bởi nếu hiểu một cách đơn giản nhất thì hầu đồng là hiện tượng con người tự thôi miên để đưa bản thân mình vào một trạng thái ảo giác đặc biệt, và chỉ có ở trạng thái ấy người ta mới như tiếp cận được với thần linh. Tất nhiên chỉ có một số người nhất định, đó là các ông đồng, bà đồng, các thầy phù thủy, thầy pháp và một số người nào đó... mới có được khả năng này. Nhu cầu được giao tiếp với thế giới thần linh đã từng là của toàn nhân loại và xuất hiện cùng với sự hình thành xã hội loài người, do vậy chúng ta có thể gặp ở rất nhiều cư dân trên thế giới những

hình thức tương tự như hầu đồng, mà trong đó một hình thức tiêu biểu và gần gũi nhất là sa man giáo, nhưng hầu đồng của người Việt và sa man giáo không phải là một. Hầu đồng của người Việt chỉ ít nhiều mang tính chất sa man giáo, vì hiện tượng xuất thân của sa man "gồm hai cách, hoặc thần linh nhập vào người thầy pháp (hay vào trống của thầy), hoặc ngược lại, hồn thầy pháp chu du lên xứ sở thần linh"¹, còn hầu đồng hay hầu bóng "là nghi lễ nhập hồn của các vị thánh Tứ phủ vào thân xác các ông đồng, bà đồng, là sự tái hiện lại hình ảnh các vị Thánh nhằm phán truyền, chữa bệnh, ban phúc lộc cho các tín đồ đạo Mẫu"². Hiện tượng lên đồng đã từng tồn tại từ rất lâu đời ở nhiều dân tộc khác nhau trên thế giới, như vậy, nó phải mang những ý nghĩa nhất định nào đó, chứ không đơn thuần chỉ là hành động mê tín dị đoan của con người khi mà khoa học kỹ thuật chưa phát triển. Bước đầu chúng tôi nhận thấy hiện tượng lên đồng mang những nghĩa sau:

- Trước hết lên đồng là nhằm mục đích thông linh. Từ xa xưa con người đã cảm nhận thấy hình như có một thế lực siêu hình chi phối cuộc sống của mình, họ coi đó là thần linh và họ muốn tiếp cận với các thần linh để cầu cho cuộc sống nhân thế được tốt đẹp hơn.

- "Đồng" có nghĩa là trẻ con. Con người khi sinh ra thường bị cuộc sống nhân tạo chi phối, kìm hãm khả năng tiếp cận với sự "ấn tượng" của thiên nhiên, vũ trụ. Và, chỉ trong khi lên đồng, bằng xuất thân, để trở về với tâm hồn trẻ thơ mang bản chất trong trắng, hồn nhiên, con người mới tạm thời gạt bỏ được những sự ràng buộc nhân tạo đó. Người ta tin rằng, có như vậy mới đồng cảm được với thần linh, hoà hợp được với thiên nhiên, vũ trụ và mới biết được sự "day báo" của đấng thiêng liêng.

- "Đồng" còn là cùng: Con người bằng xuất thân đẩy linh hồn ra khỏi xác thân nhằm tìm lấy một tâm hồn đồng điệu trong hệ tứ phủ vạn linh, để vị thần đó mượn xác thân con đồng mà tiếp cận với chúng sinh, tín đồ.

- Lên đồng còn là một hình thức sân khấu tâm linh dân gian, trong không khí này mọi thành viên đều tham gia một cách tự nguyện, đến khi kết thúc, mỗi người đều tìm được một sự thoải mái nhất định về mặt tinh thần. Hơn nữa, ở đây, phần nêu về sự tích và hành động của các vị thần thánh, nhất là các nhân thần,

được diễn lại, phần nào nhằm mục đích giáo dục tinh thần "uống nước nhớ nguồn", đó là một bài học lịch sử dân gian có tính chất truyền miệng và dễ nhớ.

- Người ta có thể tin rằng lên đồng là một hiện tượng "thiền quán tưởng" dân dã - (quán: xem; tưởng: tư tưởng) - tức là một hình thức yoga tinh thần của giới bình dân; thông qua lên đồng tâm hồn và thể xác con đồng được thanh lọc, sau đó họ cảm thấy tinh thần minh mẫn, sức khoẻ tốt hơn. Rất nhiều ông, bà đồng đã nói rằng sau mỗi lần hầu Thánh, mọi ốm đau, bệnh tật của họ như hết sạch mà không cần tới một viên thuốc nào.

- Trong xã hội cũ đầy những sự bất công, đặc biệt là đối với người phụ nữ, nên mỗi khi lên đồng người ta có cảm giác như được thay đổi thân phận. Áo tưởng này khiến người ta thấy mình được đồng nhất với thánh thần, có một cương vị "nói có người nghe, đe có người sợ", cương vị mà trong cuộc đời thực họ hiếm khi có được. Dù sao về mặt tinh thần, như thế, con người cũng được an ủi và được giải thoát trong chốc lát, đủ sức tạo sự cân bằng tối thiểu cho cuộc sống... có lẽ vì thế nên nhiều người đã thừa nhận: "Thứ nhất ngồi đồng, thứ nhì lấy chồng quan". Tuy nhiên, điều này cũng có mặt trái của nó. Khi lên đồng, nếu người ta vượt qua ranh giới tín ngưỡng trong sáng, thì thường bị rơi vào thế "Thánh một cân, trần một yến", nên mới nảy sinh hiện tượng "ghen vợ ghen chồng không bằng ghen đồng, ghen bóng" dẫn đến thúc đẩy sự xa hoa lãng phí trong việc đua nhau làm đồ mã và thưởng (phát lộc), liền đó là hiện tượng thánh phán nhưng lại mang nặng tính chất trần tục, gây ra mất đoàn kết trong cộng đồng làng xóm và dễ dẫn tới mê tín dị đoan. Thêm nữa, do có ảo tưởng về sự đồng nhất với thần linh mà các bà đồng dễ bị mê hoặc, làm ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường trong gia đình, vì thế mà giới đàn ông đã "tổng kết": "chết đường chết chợ không bằng lấy vợ ngồi đồng". Muốn giữ được giá trị thật sự của sinh hoạt tín ngưỡng này, cần thiết phải hạn chế các mặt trái của nó.

- Và cuối cùng, con người lên đồng là để mua vui và ca tụng thần linh, trong ngày hội, vì vậy mà thường có hầu vui, một hình thức hầu đồng chỉ nhằm tôn vinh Thánh và chư vị công đồng là chính, các mục đích khác rất mờ nhạt

hoặc hầu như không có.

Hiện nay trong dân gian vẫn tồn tại hai dòng hầu đồng, là Thanh đồng và hầu đồng ở điện Mẫu. Thanh đồng chủ yếu gắn với việc thờ Đức Thánh Trần và Tam vị đức Vua cha (gồm Vua Cha Ngọc Hoàng, Vua Cha Bát Hải, Vua Cha Diêm Vương) - các vị thần linh đứng đầu ba miền: Trời - Đất - Nước trong vũ trụ, hay còn gọi là Tam phủ, đối ứng với Tam toà Thánh Mẫu. Sự xuất hiện Tam vị đức Vua cha và Tam phủ có lẽ là một biểu hiện về sự ảnh hưởng Đạo giáo Trung Hoa vào tín ngưỡng dân gian Việt. Tuy nhiên, khi đã nhập vào điện thần đạo Mẫu thì vị trí của Ngọc Hoàng đã thay đổi, ngài không còn là thần linh tối thượng như trong đạo Thần tiên Trung Hoa nữa, ngài có ban thờ riêng trong các đền, phủ, nhưng không phải ở vị trí cao nhất, vì ở vị trí này (hậu cung) luôn là ban thờ Tam toà Thánh Mẫu và Mẫu thủ điện. Chỉ tại một số đền không phải là điện Mẫu thì Đức Vua Cha Ngọc Hoàng được thờ ở vị trí trọng tâm, như ở đền Tam Phủ trong khuôn viên chùa Thầy đã thờ riêng Tam vị đức Vua cha, hay ở đền Kiếp Bạc thì Đức Thánh Trần đã hoá thân để mang tư cách là Ngọc Hoàng. Hầu đồng dòng này chủ yếu là để cho những người có bệnh kêu cầu đức Thánh trị bệnh cho, do vậy có thể như thấy có sự gần gũi hơn giữa thanh đồng và sa man giáo. Hầu đồng điện Mẫu gắn liền với các thần linh thuộc hệ đạo Mẫu (các vị được coi là những mẫu mực được dựa vào để làm nền tảng cho mọi ứng xử trong không gian thiêng của mọi tín đồ đạo Mẫu). Trong bài viết này chúng tôi chỉ quan tâm tới hầu đồng điện Mẫu.

Không phải là không có cơ sở khi có người đã so sánh hầu đồng với nghệ thuật sân khấu, bởi hầu đồng có đủ các thành tố nghệ thuật cần thiết của sân khấu, như: Tịch (sự tịch và hành trạng của các vị Thánh), nghệ thuật biểu diễn, âm nhạc, không gian thích ứng (tính thiêng là nét nổi trội của không gian này), phục trang và "khán giả". Cũng như ở sân diễn, nếu không có khán giả thì sân khấu không tồn tại, cùng với "diễn viên", "khán giả" cũng tham gia vào quá trình sáng tạo vở diễn, tình cảm của tín đồ đối với các nhân vật, thái độ của tín đồ đối với các hành động và sự kiện đang xảy ra trước ban thờ Mẫu... đều có tác động không nhỏ và trực tiếp tới diễn xuất của "diễn viên". Ở hầu đồng "khán

Võ Hoàng: Về một hình thức sinh hoạt văn hóa ngày Xuân

giả" của "sân khấu" này phải là những người có một niềm tin sâu sắc vào những gì sẽ diễn ra, sự hiện diện của họ cũng không thể thiếu trong các buổi hầu đồng, vì họ là các con nhang đệ tử, họ tới để thể hiện niềm tin, lòng thành kính... đối với quyền năng của các vị Thánh. Thái độ, tình cảm của những "khán giả" đặc biệt này sẽ góp phần tạo nên sự hưng phấn - tiền đề để tạo cảm giác thăng hoa ở các ông/bà đồng, một cảm giác rất cần thiết để Thánh có thể nhập đồng. Để tạo điều kiện cho sự xuất thân của người hầu đồng còn có vai trò rất quan trọng của âm nhạc và hát văn. Hiện tại, vai trò của cung văn trong các buổi hầu đồng là rất quan trọng, không thể thiếu, nhưng chúng tôi cho rằng khi mới ra đời, âm nhạc chưa phải là một thành tố thiết yếu trong hầu đồng, vì người ta vẫn có thể lên đồng được mà không phải có âm nhạc và hát, một trong những hiện tượng này là "hầu vo". Có thể lấy một ví dụ: Trong lễ rước nước (cấp thủy), trước khi lấy nước thiêng, trước ban thờ ở đầu thuyền lễ, ông đồng có thể hầu một đôi giá để thỉnh chư vị (nhất là chư vị thuộc thủy cung) chứng giám. Lúc này tuy đồng người, ồn ào, không nhạc, không trợ thủ, chỉ mình ông đồng tâm đối cảnh mà "bước vào" cõi thiêng liêng. Tuy nhiên, không phải bất kỳ ông, bà đồng nào cũng "hầu vo" được, điều này còn phụ thuộc vào hoàn cảnh và chủ yếu là khả năng xuất thần mạnh hay yếu của mỗi người. Từ thực tế của sinh hoạt này chúng tôi nghĩ rằng, sự có mặt của các cung văn trong mỗi buổi lên đồng còn như để biểu hiện cho sự sang trọng và giàu có của người hầu đồng. Khi cung văn đàn ngọt, hát hay, vừa ý các ông, bà đồng, thì họ được thưởng khá nhiều tiền. Do vậy mà càng ngày âm nhạc càng đóng vai trò hữu cơ trong các buổi hầu đồng. Cung văn tấu nhạc và hát hỗ trợ cho các con đồng phiêu du vào miền linh địa, đồng thời góp phần cho các con công đệ tử tự thôi miên mình mà hoà vào không gian thiêng. Bắt đầu từ lúc này người ta sẽ thấy sự phối hợp rất nhịp nhàng và chính xác giữa con đồng và cung văn. Chỉ cần nhìn vào điệu bộ và ký hiệu ở tay của các ông, bà đồng mà cung văn phải hát cho đúng văn của từng "giá". Không hề có sự giao hẹn trước giữa người hầu và người hát, cũng như giữa người hầu chính và những người hầu dâng (hai hoặc bốn người, để giúp người hầu chính thay đổi

trang phục và đạo cụ...) mà mọi việc diễn ra như theo một kịch bản có sẵn: Quần áo cho mỗi giá đồng được thay rất nhanh mà không lộn xộn bao giờ, vãn của giá nào luôn đúng vào giá đó... Cũng có khi, trước tính đồng đánh của các con đồng khi xuất thần, mà các con nhang đệ tử thường cho đó là những bằng chứng về việc Thánh giáng, hoặc đó là biểu hiện quyền uy của thần linh trước "người trần mắt thịt"... thì các cung văn thường phải đàn ngọt hơn, hát hay hơn, nhấn đi nhấn lại một vài đoạn văn có tính chất kêu cầu, hay ca ngợi công trạng của vị Thánh đó, trước là để làm đẹp lòng "con đồng", sau là để chứng tỏ cho các con nhang đệ tử về sự hiển linh của Thánh.

Để hình dung được một cách rõ ràng vai trò của các ông, bà đồng, của cung văn và người hầu dâng... qua một buổi hầu Thánh, chúng tôi miêu tả lại trình tự một giá đồng như sau: Sau khi thực hiện các nghi lễ cần thiết, con đồng được trùm khăn đỏ phủ diện lên đầu, chiếc khăn này có một ý nghĩa rất quan trọng. Người ta phủ khăn để giúp con đồng tập trung tư tưởng hơn, phần nào tránh cho họ bị sự tác động của những hình ảnh trần gian níu kéo tâm hồn mà không "phiêu diêu" được. Nhưng chiếc khăn này phải có màu đỏ chứ không thể là màu nào khác, vì màu đỏ là màu của sinh lực thần thánh, tượng trưng cho bầu trời... có phủ khăn đỏ mới đưa được linh hồn thánh thiện nhập vào xác thân con đồng. Họ ngồi trước bàn thờ, hai tay chắp dâng ba nén hương và khấn thầm trong đầu để mời Thánh về, còn cung văn cứ tuần tự thỉnh Thánh từ trên xuống dưới. Khi Thánh về và nhập vào người hầu, họ sẽ ra dấu cho cung văn là vị Thánh nào, thì cung văn sẽ hát vãn của vị đó. Tiếp sau, chiếc khăn phủ diện được bỏ ra, những người hầu dâng sẽ nhanh chóng giúp các ông bà đồng mặc trang phục của vị Thánh đang giáng. Sau đó "ngài" sẽ làm phép và diễn lại sự tích và hành trạng của mình, bằng điệu bộ diễn xuất của các ông bà đồng cùng với lời hát vãn và trí tưởng tượng của các con nhang đệ tử... hình ảnh của vị Thánh như được hiện lên trước mắt mọi người một cách rõ ràng và sống động. Nhân lúc này, các con nhang đệ tử sẽ dâng lễ vật và cầu xin Ngài những điều tương ứng từng ấp ủ, mong cho cuộc sống của mình được tốt đẹp hơn... rồi Thánh ban lộc, nghe vãn chầu, cuối cùng Ngài

thăng. Các giá sau cứ tiếp tục theo trình tự như vậy. Tuy nhiên không phải mọi vị Thánh đều có hình thức giáng như nhau, mà có vị giáng trùm khăn và có vị giáng mở khăn, giá đồng mà chúng tôi miêu tả như trên là Thánh giáng theo hình thức mở khăn, hay còn gọi là hầu mở khăn.

Hình thức giáng trùm khăn còn gọi là hầu "tráng mạn", tức là ở những giá này các vị Thánh chỉ giáng rất nhanh rồi lại thăng ngay, người hầu không mở khăn phủ diện và thay đổi trang phục, các con nhang đệ tử cũng không được chiêm ngưỡng và cầu xin Ngài trực tiếp qua các ông bà đồng, như với các vị Thánh giáng mở khăn. Ngày nay, các giá Thánh Mẫu đều hầu tráng mạn, nhưng theo tư liệu điều tra điền dã mà chúng tôi thu thập được thì cũng đã từng có một vài ông bà đồng hầu giá này theo hình thức mở khăn, song để hầu được giá này phải có sự chuẩn bị công phu hơn các giá khác rất nhiều. Trước hết, người hầu chính và bốn người hầu dâng (còn gọi là tứ trụ) phải là những người "chắc tay hay nhíp" trong việc hầu Thánh, họ cũng phải là những người, mà theo quan niệm dân gian là được "Thánh thương", tức là họ có thể "kêu thấu cầu nối" lên đức Thánh, mỗi lời tấu của họ phải rất "chắc bóng linh đồng"... Tóm lại, họ phải là những người tài giỏi trong hầu đồng, hơn nữa, trước khi hầu Thánh các ông bà đồng này phải ăn chay trong một thời gian nhất định: Có thể là 1 tuần hoặc 2, 3 tuần... Giá đồng này phải hầu tại chính cung và vào chính "tiệc" Mẫu, giờ hầu sẽ do ông thầy cao tay xem và ấn định, khi hầu không được bật đèn mà chỉ có hai ngọn nến thật nhỏ, cũng không có cung văn, người hầu phải khấn thầm... như vậy Mẫu mới giáng.

Đối với người Việt ở Bắc Bộ, trong một năm có rất nhiều dịp để người ta hầu Thánh, nhưng tập trung nhất vẫn là vào ba tháng xuân đầu năm. Riêng tháng 4 âm lịch, theo quan niệm của dân gian, đây là tháng tiền Quan Ôn, nóng nực, nên các con nhang đệ tử kiêng không hầu Thánh vào tháng này, chỉ khi có việc thật cần thiết, không thể hoãn được họ mới lên đồng vào tháng 4; các ông bà đồng đền - những người hầu đồng "chuyên nghiệp" - không lệ thuộc vào sự kiêng kỵ này. Ngoài những giá hầu chứng cho các con nhang đệ tử trong những dịp nào đó, (hầu chứng, tức là trong một buổi hầu đồng

- còn gọi là một vấn đồng - các đồng thầy sẽ hầu trước một vài giá rồi mới chuyển khăn cho đệ tử hầu tiếp), các ông bà đồng đền phải hầu Thánh khoảng 20 vấn đồng, rải rác từ đầu cho đến hết năm, như vào các dịp mở cửa đền, thượng nguyên, ngày tiệc các vị thánh, vào hè, ra hè, tất niên, đóng cửa đền... Trong đó, vấn đầu tiên trong một năm là đặc biệt nhất, ông bà đồng có thể hầu vấn này vào đêm giao thừa, hoặc đêm mồng một, mồng hai tết (tuỳ thuộc vào ngày nào được coi là ngày đẹp) gọi là hầu khai xuân. Ở vấn đồng này họ sẽ không hầu những giá có dùng đến kiếm, đao... cũng như không hầu bằng khăn trắng, áo trắng, nếu là giá thuộc Thoải phủ cũng phải mặc áo đỏ. Đây là một ngoại lệ sẽ không áp dụng cho bất cứ một vấn đồng nào khác trong năm, vì màu trắng là màu gắn với tang tóc, buồn rầu... nên đầu năm người ta phải tránh để khỏi đen đủi cho cả năm, còn đao, kiếm... là những vật, khi phải dùng đến nó, không mấy khi đem lại điềm lành, do vậy mà người ta cũng muốn tránh. Các vấn đồng còn lại được hầu bình thường với các đồ lễ và đồ mã tương ứng, người ta cũng không quy định số giá đồng trong mỗi vấn hầu, nhiều hay ít thường phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của người hầu, ai có nhiều hầu nhiều, có ít hầu ít và ít nhất là 6 giá đồng trong một vấn.

Như chúng ta đã biết, đạo thờ Mẫu là một tín ngưỡng dân gian nổi bật nhất, chi phối mạnh mẽ đến tâm linh người Việt. Theo quan niệm của tín ngưỡng này thì các vị Thánh Mẫu là lực lượng sáng tạo ra các miền của vũ trụ, gồm có Mẫu Thiên, Mẫu Thoải, Mẫu Địa và Mẫu Thượng Ngàn. Khởi thủy là tín ngưỡng của người nông dân nên hệ tam toà của đạo thờ Mẫu mang nặng tính nông nghiệp: Gồm có Mẫu Thiên - Mẫu Thoải - Mẫu Địa, là những lực lượng chi phối trực tiếp tới cuộc sống lao động và đồng ruộng của người nông dân. Còn Mẫu Thượng Ngàn, do ngài sáng tạo và cai quản miền rừng núi, nơi trước đây còn là chốn yên nghỉ của những "kiếp đời đã qua", nên được thờ riêng. Nhưng theo dòng trôi chảy của lịch sử và trên mặt bằng của tín ngưỡng dân gian, tới khoảng thế kỷ XVI, do sự phát triển của thương mại, đạo thờ Mẫu không chỉ của riêng nông dân nữa, mà nó còn phát triển vào không gian thiêng của những người buôn bán, sự góp mặt của lớp người này đã làm thay đổi diện

Võ Hoàng: Về một hình thức sinh hoạt văn hóa ngày Xuân

đạo Mẫu, phần nào dẫn tới sự chuyển hoá thần linh, để vai trò của một số vị có gắn với thương mại được đẩy lên cao hơn, trong đó điều dễ nhận thấy nhất là sự xuất hiện hệ tam toà mới: Gồm có Mẫu Thiên - Mẫu Thượng Ngàn - Mẫu Thoải, trong đó Mẫu Thượng Ngàn được coi là giữ túi của cải, tiền bạc (có lẽ vì dân gian nghĩ rằng "tiền rừng bạc bể", hay "rừng vàng biển bạc")... Ở cả hai hệ tam toà này thì Mẫu Thượng Thiên vẫn luôn như một chân lý tuyệt đối, siêu linh ở tầng trên mà lúc nào con người cũng phải kính trọng và tôn thờ. Sự chuyển hoá các thần linh như kể trên đã dẫn tới sự chuyển hoá của việc hầu đồng từ người nông dân sang người buôn bán nhỏ, hay tầng lớp bình dân ở các đô thị, do vậy sinh hoạt này cũng bị mất tính "thơ ngây" vốn có, mà mang nặng tính "cầu tài" nhiều hơn. Tính thương mại, thực dụng đã khiến cho các buổi hầu đồng bị giảm đi nhiều sự "linh thiêng", có lẽ vì vậy mà ngày càng phát sinh những tiêu cực, làm cho hình thức sinh hoạt tâm linh này không còn giữ được nét đẹp nguyên gốc. Nếu như ở buổi hầu đồng của những người nông dân, từ đồ lễ, đồ mã cho tới trang phục đều được chuẩn bị một cách đơn giản, ít loè loẹt, với một sự thành kính hết sức chân thực, hồn nhiên, khiến cho các giá đồng của họ có sức xuất thần rất mạnh. Và, hình như niềm tin có phần "ngây thơ" mà họ còn giữ được đó đã giúp cho họ có khả năng xuất thần một cách tự nhiên mà không phải lệ thuộc vào các tác nhân kích thích như âm nhạc, sự cung kính hay hình thức chiêu nịnh thần linh quá mức của các con nhang đệ tử, hoặc phải dùng thêm các chất kích thích như rượu, thuốc, trầu... Còn với những người buôn bán thì khác, ở buổi hầu đồng của họ, từ đồ lễ, đồ mã cho tới trang phục đều được chuẩn bị cầu kỳ hơn, cũng có thể nói là chu đáo, đầy đủ hơn, nhưng sự xuất thần ở họ lại khá thấp (hoặc cũng có lúc hầu như không có) do vậy mà chúng ta thấy những buổi hầu đồng này (chủ yếu ở thành thị) nặng tính trình diễn và phô trương áo quần. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ, ở mặt nào đó thì hiện tượng sinh hoạt văn hoá dân gian này, của những người thành thị, đã gắn gũi với một buổi biểu diễn nghệ thuật hơn. Tất nhiên không vì thế mà chúng tôi có ý cho rằng cần phải "giải thiêng" mạnh hơn nữa để hầu đồng chỉ đơn thuần là

(Tiếp theo trang 120)

đẹp sẽ đến cùng năm mới. Con chữ không chỉ còn là đường nét đơn thuần mà đã hàm chứa những yếu tố tư tưởng, tình cảm và tâm linh của con người. Điều ấy, không gì khác, chính là truyền thống đã được chuyển tải đến hiện tại và tương lai. Dĩ nhiên, để có những nét xuân qua thư pháp và để có thêm những bổ sung lý thú trong đời sống văn hóa hôm nay từ hoạt động văn hóa này, chúng ta cần chú ý đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục để người thể hiện cũng như người sử dụng được chia sẻ những hiểu biết đúng đắn về nghệ thuật thư pháp, tránh những lệch lạc, thậm chí là sự dung tục hóa cả một nền nghệ thuật đặc sắc, đã có lịch sử hàng ngàn năm./

N.D.D

Chú thích:

- 1 - Niên hiệu Mạc Mậu Hợp (1578 - 1585).
- 2 - Dao Thạch Thiên.
- 3 - Mễ Phát đời Tống, nổi danh về nhiều mặt trong đó có thư pháp, cùng với Tô Thức, Hoàng Đình Kiên, Sái Kinh (có thuyết là Sái Nhưưng).
- 4 - Đa Bảo Tháp Bi, bút tích của Nhan Chân Khanh đời Đường.

(Tiếp theo trang 112)

một sinh hoạt văn hoá bình dân, chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng: Nếu loại bỏ được những yếu tố tiêu cực thì hầu đồng sẽ là một hình thức sinh hoạt văn hoá tâm linh đặc sắc, mang một ý nghĩa nhân văn đặc biệt. GS. Trần Quốc Vượng cho rằng : Hầu đồng "có thể coi là một mô hình nhỏ đã phát triển của diễn xướng dân gian"³.

Như vậy, hầu đồng, một hình thức thông linh đầu xuân, một tiếng gọi trên dòng bản sắc, một cửa mở đưa tâm tư dân dã hoà vào bao la, để con người gần hơn với sự trường tồn của thiên

Nguyễn Đức Dũng: *Ngày Xuân, gọi nghĩ về nghệ thuật...*

- 5 - Phạm Đình Hồ: *Vũ trung tùy bút*, phần Tự học (Thư pháp) từ trang 55 đến trang 62 (bản dịch)
- 6 - *Vũ trung tùy bút*, Sách đã dẫn.
- 7 - Liễu Công Quyền.
- 8 - Nhan Chân Khanh.

Tài liệu tham khảo:

- *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. KHXH, HN, 1993, 4 tập (bản in Nội các quan bản, mộc bản khắc in năm Chính Hòa thứ 18 - 1697).
- *An Nam chí lược*, Lê Tắc, Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, H, 2002.
- *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hồ, Trần Thị Kim Anh (khảo cứu văn bản, dịch, chú thích, giới thiệu) Nxb. KHXH, HN, 2003.
- *Thơ chữ Hán Lê Thánh Tông (1442- 1497)* (tuyển), Mai Xuân Hải (chủ biên), Nxb. KHXH, HN, 1994, 506 tr. Bài Ngự chế *Thư thảo hý thành thi*, trang 228 - 230
- *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập 1 (từ Bắc thuộc đến thời Lý), chủ biên: Phan Văn Các & Claudine Salmon école française d'Extrême - Orient, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Paris, Hà Nội, 1998.

nhiên, vũ trụ... Chúng tôi mong hình thức sinh hoạt này sẽ được nghiên cứu sâu hơn để hương xuân muôn mẫu sẽ luôn trong sáng và góp phần sưởi ấm tâm hồn thể nhân bình dị./

V.H

Chú thích:

- 1 - X.A.Tôcarev: *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1994, tr. 330.
- 2 - Ngô Đức Thịnh (chủ biên): *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, Nxb. VH TT, Hà Nội, 1996, tập I, tr. 47.
- 3 - Trần Quốc Vượng: "Sân khấu Việt Nam hôm qua - hôm nay (về ba mô hình sân khấu Việt Nam lịch đại và đồng đại)", *Tạp chí Sân khấu*, số Xuân 1988.

SUMMARY: A FORM OF CULTURAL ACTIVITIES DURING SPRING DAYS (VO HOANG)

Initially define the "Spirits incarnation" in the belief system of worshipping the "Mother", to come to the final definition of this form. The author compares with Shaman form of other nations and "Thanh dong" in the worship of "Tran God". It also regards to some other forms of spiritual seance and the experience of general spiritual seance, at the same time points out the mistake and correct when the original meaning deformed.